

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2020/DS-PT

Ngày: 10 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tô Giang.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải và bà Lâm Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2020/QĐPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là ông D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện A, tỉnh An Giang (đại diện theo ủy quyền).

- Bị đơn: Ông C, sinh năm 1970 và bà B, sinh năm 1972; cùng nơi cư trú: Tổ 15, ấp M, xã H, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho các bị đơn là ông E, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 68, đường T, khóm 3, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang (đại diện theo ủy quyền).

Người kháng cáo: ông C, bà B, là bị đơn trong vụ án.

Các đương sự: ông D, ông E, ông C có mặt tại phiên tòa; bà A, bà B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của bà A và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ông D là đại diện theo ủy quyền cho bà A trình bày: Năm 2015 bà B, ông C tham gia 02 dây hội do bà A làm chủ. Cụ thể:

Dây thứ nhất: Hội 2.000.000 đồng mở hội ngày 01.10.2015^{ÂL}, gồm 26 phần, bà B, ông C tham gia 01 phần (trong danh sách hội ghi tên là 3 C). Hội khai đến kỳ thứ 2 (ngày 01/11^{ÂL}/2015) thì bà B bỏ hốt. Sau khi hốt thì bà B đóng hội đến kỳ thứ 20 (tháng 05^{ÂL}/2017) thì ngưng châu cho đến nay. Dây hội này bà B còn nợ lại 06 phần x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hội 2.000.000 đồng mở hội cùng ngày 01.10.2015^{ÂL}, gồm 26 phần, bà B, ông C tham gia 01 phần (trong danh sách hội ghi tên là 3 C), một tháng khai 01 lần. Hội khai đến kỳ thứ 11 (ngày 01/8^{ÂL}/2016) thì bà B bỏ hốt. Sau khi hốt thì bà B đóng hội đến kỳ thứ 20 (tháng 05^{ÂL}/2017) thì ngưng châu cho đến nay. Dây hội này bà B còn nợ lại 06 phần x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Tổng cộng: 02 dây hội bà B nợ 12.000.000 đồng + 12.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Sau đó, bà A nhiều lần đến đòi nợ thì bà B đưa cho bà được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 22.000.000 đồng và hứa bán đất được sẽ trả cho bà phần còn lại nhưng bà B không trả cho bà A và nợ cho đến nay.

Nay ông yêu cầu ông C và bà B có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Bị đơn bà B trình bày: Bà và bà A có quen biết nhau, do nhà bà A ở trên xóm bà một đoạn và làm lúa gần đất bà. Hai bên gặp nhau chỉ chào hỏi chứ không nói chuyện qua lại nhiều. Qua lời trình bày của ông Khả, bà xác định không có tham gia chơi hội của bà A.

Bà xác định từ trước đến nay bà không đến nhà bà A và bà A cũng không đến nhà bà đòi nợ. Bà thừa nhận vào năm 2016 bà vợ nợ, việc bà chơi hội và vợ nợ không liên quan đến chồng bà là ông C. Khi đó, bà nợ ai thì đều có viết biên nhận nợ với chủ nợ. Nếu như bà A cho rằng bà nợ tiền hội 22.000.000 đồng thì bà A cung cấp biên nhận, nếu có biên nhận thì bà đồng ý trả nợ.

Do bà không nợ tiền hội bà A nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và không có nghĩa vụ trả nợ cho bà A.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/04/2019 ông C trình bày:

Ông và bà B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay chưa đăng ký kết hôn, không có thời gian ly thân hoặc ly hôn. Ông làm nghề ruộng, bà B buôn bán, B nhập có được dùng để chi tiêu, gửi tiền cho con ăn học.

Bà B có tham gia hội của bà A không ông hoàn toàn không biết, cho đến khi bà B bị nhiều người kiện thì ông mới biết là bà B tham gia chơi hội. Dù bà B

có tham gia chơi hụi làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán thì ông không đồng ý có nghĩa vụ liên đới thanh toán cùng bà B.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho đương sự để tham gia hòa giải vụ án nhưng ông C vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và tài liệu Tòa án B thập được đã thông báo cho các đương sự và được công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Tại bản án sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A;

Buộc bà B và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2019 ông C và bà B có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn, ông E trình bày: xác định bà B, ông C không nợ hụi. Lời khai của các nhân chứng đều thể hiện không chứng kiến trực tiếp việc giao hụi cho bà B. Vì vậy, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Ông C: thống nhất với ý kiến của ông E

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông D trình bày: việc bà B tham gia chơi hụi là có thật, có nhiều người chứng kiến. Mặc dù nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bị đơn nợ hụi nhưng có lời khai của những người làm chứng về việc bà B có tham gia hụi, có đi bỏ hụi; có một số người làm chứng chứng kiến bà A có mang bọc tiền vào nhà bà B. Sau đó, bà B và bà A cự cãi có nhiều người chứng kiến. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai nhân chứng. Mặt khác, nếu bà B, ông C không có nợ thì vì sao trong quá trình sơ thẩm lại từ chối tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bên cạnh đó, khi Tòa án có yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh là không có nợ hụi, bà B và ông C đều không cung cấp chứng cứ. Về trách nhiệm liên đới của ông C: tại phiên tòa phúc thẩm, ông C đã mặc nhiên thừa nhận nợ, ông C và bà B có

đăng ký kết hôn, nên ông C phải có trách nhiệm liên đới theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Ông E tranh luận: trong suốt quá trình kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đều xác định rõ là không tham gia chơi hụi, không hốt hụi, không nợ hụi. Ông C hoàn toàn không có ý kiến mặc nhiên thừa nhận nợ.

Ông D tranh luận: tại phiên tòa phúc thẩm có hỏi ông C về trách nhiệm liên đới, ông C trả lời không đồng ý liên đới cùng bà B trả nợ. Như vậy, mặc nhiên ông C thừa nhận bà B có nợ.

Ông E tranh luận: tại phiên tòa hôm nay, không có lúc nào ông C trả lời thừa nhận bà B có nợ bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: ông C, bà B kháng cáo trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý vụ án là phù hợp Điều 273, Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Thư ký, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự các Điều 285, 286, 287, 290, 294 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chỉ có Thông báo thụ lý gửi Viện kiểm sát chưa bảo đảm thời hạn 03 ngày làm việc. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và C tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đối với Bản án sơ thẩm bị kháng cáo: căn cứ 02 danh sách hụi cùng ngày 01/10/2015 âm lịch, có thể hiện tên hụi viên “3 C” tên chồng bà B và lời khai của những người làm chứng gồm Trần Thị Cẩm Lanh, Trình Văn A, Nguyễn Thị Phước, La Thị Trang, Trần Văn Phùng, Lê Thị Kim Chi, Nguyễn Kim Chung là những hụi viên đã từng tham gia góp hụi với bà B do bà A làm chủ hụi đều xác nhận bà B có tham gia góp hụi của 02 dây hụi do bà A làm chủ hụi và chủ hụi có gửi danh sách hụi cho các hụi viên giữ, có chứng kiến bà B đi mở hụi và bà B đã hốt hết 02 phần hụi mà bà đã tham gia, có chứng kiến bà B và bà A xảy ra cựa cãi, đòi tiền hụi; hiện nay các dây hụi đã mãn, tất cả hụi viên đều đã được hốt hụi. Tuy

việc giao tiền hụi giữa bà A và bà B không lập biên nhận nhưng được ông A, bà Phước xác nhận có chứng kiến bà A giao tiền hụi cho bà B. Như vậy, bà A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hụi, phía bà B hốt hụi nhưng không góp lại tiền hụi cho chủ hụi là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo Điều 13 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP. Về trách nhiệm liên đới trả nợ hụi của ông C: giữa ông C và bà B tồn tại hôn nhân thực tế, có 02 con chung và số tiền nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, việc bà B tham gia chơi hụi cũng nhằm tạo thêm B nhập, phục vụ chi phí sinh hoạt thiết yếu của gia đình nên ông C có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông C, bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A tiền nợ hụi 22.000.000 đồng là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về C tục tố tụng:

Ông C và bà B kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà A được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, có mặt ông D là người đại diện theo ủy quyền; bà B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, có mặt ông E là người đại diện theo ủy quyền. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Xét nội A kháng cáo: bà B và ông C kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A về việc tuyên buộc trách nhiệm trả nợ tiền hụi cho bà A. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà A khởi kiện cho rằng bà B nợ số tiền hụi chết của 02 dây hụi là 22.000.000 đồng. Bà B không thừa nhận có tham gia góp hụi và nợ hụi của bà A.

[2.2] Bà A không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh bà B có nợ 22.000.000 đồng tiền hụi. Các tài liệu bà A cung cấp cho Tòa án là bản photo 02 danh sách hụi (trong danh sách có tên người chơi “3 C”). Lời khai của các nhân chứng do bà A cung cấp cũng chỉ khai biết bà B có chơi hụi, có hốt hụi; có một vài nhân chứng khai có thấy cự cãi giữa bà B và bà A; nhưng không có nhân chứng biết cụ thể việc nợ hụi như thế nào, số tiền là bao nhiêu. Do đó, không có chứng cứ xác định bà B còn nợ bà A 22.000.000 đồng tiền hụi. Tòa án

cấp sơ thẩm dựa trên lời khai của những người làm chứng để xác định bà B nợ tiền hụi 22.000.000 đồng là chưa có cơ sở.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Tuy bà B không thừa nhận nợ nhưng việc chứng minh số tiền châu hụi chết là trách nhiệm của bị đơn”, “Tòa án đã ra quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu ông C, bà B chứng minh không tham gia chơi 02 phần hụi, không thiếu tiền nợ hụi nhưng bà B, ông C không ý kiến và cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự”.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: những nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đúng với quy định nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đó, nghĩa vụ phải chứng minh việc bà B, ông C có tham gia chơi hụi, có nợ tiền hụi là nghĩa vụ của nguyên đơn là bà A. Trong vụ án này, nguyên đơn không cung cấp được văn bản chứng minh bị đơn nợ tiền hụi. Ngược lại, Tòa án yêu cầu bị đơn chứng minh việc không chơi hụi, không nợ hụi là chưa phù hợp.

Mặt khác, tại Điều 15 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường quy định nghĩa vụ của chủ hộ “lập và giữ sổ hộ và các giấy tờ liên quan đến hộ”. Cho nên, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang cho rằng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hộ theo thông lệ địa phương, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án là chưa có căn cứ. Bởi lẽ, ngoài danh sách hụi và lời khai các nhân chứng, không có chứng cứ chứng minh bà B nợ bà A 22.000.000 đồng tiền hụi.

[2.4] Do không có chứng cứ chứng minh bà B nợ bà A tiền hụi 22.000.000 đồng, nên cũng không có cơ sở để tuyên buộc trách nhiệm liên đới của ông C.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà B, ông C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

[3] Về án phí sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên căn cứ vào khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà B và ông C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức B, miễn, giảm, B, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của bà B, ông C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc bà B và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà A phải chịu 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai B số 0011035 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà A còn phải nộp 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông C, bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai B số 0011603 ngày 03/10/2019 và Biên lai B số 0011734 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Bận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang